

Phụ lục VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-SGDVN ngày..... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/

**Công ty Cổ phần
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam**
Số:1-1903/26Taya-Vn-cbtt

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Trần Biên, ngày 19 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam- Mã chứng khoán/*Stock code*: TYA
- Địa chỉ: số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Trần Biên, Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ: 0251-3836361-4 Fax: 0251-3836388
- E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw

2. Nội dung thông tin công bố:

BCTC kiểm toán năm 2025 và Giải trình - Tổng hợp.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/03/2026 Tại đường dẫn: www.taya.com.vn mục Quan hệ cổ đông, Báo cáo kiểm toán năm.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán và GT.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Người UO CBTT



LINH THIN PAU

(Trưởng phòng Quản lý Chứng khoán)

Công ty Cổ phần
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Số: 1-19-326/taya-vn-gt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM

Giải trình chênh lệch BCTC kiểm toán năm 2025–Tổng hợp

Căn cứ khoản 4 điều 14 chương III Thông tư 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam xin giải trình như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tổng hợp đã kiểm toán năm 2025 của công ty thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

ĐVT: đồng: VND

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/giảm	%
Doanh thu bán hàng	2.346.649.714.331	1.860.879.482.477	485.770.231.854	26,1
Lợi nhuận sau thuế TNDN	118.512.074.299	77.574.250.113	40.937.824.186	52,8

1. Giải trình cụ thể:

● Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 40.937.824.186 đồng, tương ứng tăng 52.8% so với báo cáo cùng kỳ năm trước nguyên nhân như sau:

► Tăng doanh thu và lợi nhuận sau thuế:

● Được hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế trong nước và mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và trong nước. Doanh thu bán hàng tăng 485.770.231.854 đồng với mức tăng khoảng 26,1%. Đồng thời công ty kiểm soát hiệu quả giá cả nguyên vật liệu nhập khẩu, giảm giá thành sản xuất và chi phí quản lý, chi phí tài chính được duy trì ở mức hợp lý là nguyên nhân chính công ty kinh doanh có lãi.

Trân trọng và kính chào!

Đồng Nai, ngày 19 tháng 03 năm 2026

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC



HSU CHING YAO



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện
Taya (Việt Nam)**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025**



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số

414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006

do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp

414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007

do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số

472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017

do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp

Các giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số

3600241468	ngày 17 tháng 5 năm 2017
3600241468	ngày 20 tháng 9 năm 2022
3600241468	ngày 27 tháng 4 năm 2023
3600241468	ngày 10 tháng 10 năm 2024

do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp

3600241468	ngày 9 tháng 10 năm 2025
------------	--------------------------

do Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Hsu Ching Yao Ông Chen Chung Kuang Ông Pa Kuei Chuang Ông Lin Fu Chih Ông Wang Ting Shu Ông Tsai Chung Cheng Ông Tu Ting Jui	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2025) Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2025) Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2025) Thành viên Thành viên (đến ngày 15 tháng 4 năm 2025) Thành viên (đến ngày 15 tháng 4 năm 2025) Thành viên (đến ngày 15 tháng 4 năm 2025)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Hsu Ching Yao Ông Huang Shih Che	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Hung Chung Ming Ông Chiu Tsung Jen Ông Wang Wen Ruey	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	Số 1, Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II Phường Trãn Biên, Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Chi nhánh	Thôn Hoàng Hòa Xã Mao Điền Thành phố Hải Phòng Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2026

330
NG
PH
CÁP
YA
IAN
ĐỒ

1197
N
N
C
Y
H



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00463-26-5



Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Bành Thúy Phượng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4626-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2026

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.518.567.570.804	1.143.336.582.826
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	115.056.950.602	122.872.810.825
Tiền	111		115.056.950.602	102.872.810.825
Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		494.784.671.656	420.754.671.656
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	494.784.671.656	420.754.671.656
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		370.843.202.972	285.883.793.133
Phải thu của khách hàng	131	6(a)	350.423.900.193	280.671.720.959
Trả trước cho người bán	132	6(b)	13.833.249.979	416.805.259
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(c)	7.610.012.088	5.819.226.203
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.023.959.288)	(1.023.959.288)
Hàng tồn kho	140	7	454.334.770.875	281.460.862.454
Hàng tồn kho	141		456.738.344.225	283.728.534.516
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.403.573.350)	(2.267.672.062)
Tài sản ngắn hạn khác	150		83.547.974.699	32.364.444.758
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.776.898.378	3.067.211.126
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12(a)	79.868.395.498	28.929.537.977
Thuế phải thu Nhà nước	153		217.182.974	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		685.497.849	367.695.655
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		78.666.048.694	82.510.129.581
Tài sản cố định	220		72.263.709.479	73.003.437.763
Tài sản cố định hữu hình	221	8	72.149.936.148	73.003.437.763
Nguyên giá	222		533.501.198.791	522.218.218.616
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(461.351.262.643)	(449.214.780.853)
Tài sản cố định vô hình	227		113.773.331	-
Nguyên giá	228		1.128.878.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.015.105.469)	(1.000.078.800)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.445.745.688	3.092.276.182
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	1.445.745.688	3.092.276.182
Tài sản dài hạn khác	260		4.956.593.527	6.414.415.636
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.499.549.955	5.900.843.075
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		457.043.572	513.572.561
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.597.233.619.498	1.225.846.712.407

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

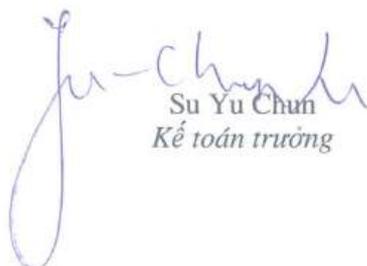
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		956.243.067.190	676.232.013.780
Nợ ngắn hạn	310		956.243.067.190	676.232.013.780
Phải trả người bán	311	11	47.011.495.394	28.542.811.220
Người mua trả tiền trước	312		31.317.110.423	38.245.087.568
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12(b)	6.368.192.323	6.422.887.190
Phải trả người lao động	314		10.279.491.281	9.574.267.099
Chi phí phải trả	315		3.404.798.359	4.898.402.852
Phải trả ngắn hạn khác	319		876.756.565	44.452.498
Vay ngắn hạn	320	13	856.985.222.845	588.504.105.353
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		640.990.552.308	549.614.698.627
Vốn chủ sở hữu	410	14	640.990.552.308	549.614.698.627
Vốn cổ phần	411	15	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	15	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	17	115.941.020.149	104.304.882.632
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		218.422.921.522	138.683.205.358
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		99.910.847.223	61.108.955.245
- Lợi nhuận thuần trong năm	421b		118.512.074.299	77.574.250.113
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.597.233.619.498	1.225.846.712.407

Ngày 13 tháng 3 năm 2026

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



 Hsu Ching Yao
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

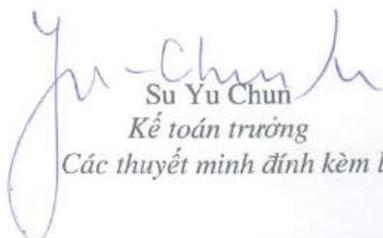
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	2.346.649.714.331	1.860.879.482.477
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	1.780.000
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	19	2.346.649.714.331	1.860.877.702.477
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	2.092.819.128.263	1.681.440.047.437
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		253.830.586.068	179.437.655.040
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	41.520.671.082	33.744.571.943
Chi phí tài chính	22	22	58.182.007.050	37.989.312.006
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		37.714.808.045	24.179.522.389
Chi phí bán hàng	25	23	42.574.613.375	33.473.874.671
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	44.944.271.272	44.012.985.314
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		149.650.365.453	97.706.054.992
Thu nhập khác	31		294.860.349	397.424.892
Chi phí khác	32		1.435.639.771	978.143.477
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.140.779.422)	(580.718.585)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		148.509.586.031	97.125.336.407
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	29.940.982.743	19.528.067.647
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	56.528.989	23.018.647
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		118.512.074.299	77.574.250.113
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	3.747	2.453

Ngày 13 tháng 3 năm 2026

Người lập:


Su Yu Chun
Kế toán trưởng
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Người duyệt:


Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	148.509.586.031	97.125.336.407
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	13.336.043.199	13.539.532.380
Các khoản dự phòng	03	135.901.288	(138.091.372)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.033.311.080	(1.424.168.609)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(112.037.037)	(390.872.296)
Lãi tiền gửi	05	(30.827.718.834)	(19.281.199.988)
Chi phí lãi vay và phí bảo lãnh	06	39.782.184.933	24.179.522.389
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	171.857.270.660	113.610.058.911
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(132.351.246.562)	(45.333.350.715)
Biến động hàng tồn kho	10	(174.155.555.397)	3.136.720.073
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	11.539.271.398	15.521.753.181
Biến động chi phí trả trước	12	1.691.605.868	(2.698.862.075)
		(121.418.654.033)	84.236.319.375
Tiền lãi vay và phí bảo lãnh đã trả	14	(38.441.797.142)	(23.955.368.369)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(31.600.326.573)	(17.089.230.167)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.978.143.378)	(24.513.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(193.438.921.126)	43.167.207.256
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn/khác	21	(13.379.974.525)	(9.541.393.836)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	112.037.037	390.872.296
Tiền chi gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(953.680.000.000)	(634.771.261.503)
Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	879.650.000.000	482.868.571.503
Tiền thu lãi tiền gửi	27	29.026.927.741	17.847.218.395
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(58.271.009.747)	(143.205.993.145)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

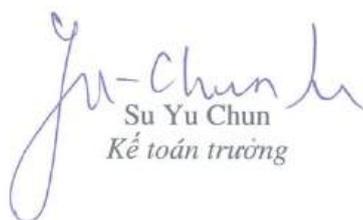
Mã số	2025 VND	2024 VND
-------	-------------	-------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	2.203.749.766.714	1.563.910.798.710
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34	(1.934.455.995.974)	(1.381.557.138.110)
Tiền chi trả cổ tức	36	(25.158.077.240)	(7.670.145.500)
<hr/>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	244.135.693.500	174.683.515.100
<hr/>			
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(7.574.237.373)	74.644.729.211
<hr/>			
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	122.872.810.825	48.132.538.897
<hr/>			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(241.622.850)	95.542.717
<hr/>			
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	115.056.950.602	122.872.810.825

Ngày 13 tháng 3 năm 2026

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Hsu Ghing Yao
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động từ tháng 1 năm 2005, tại Thôn Hoàng Hòa, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 337 nhân viên (1/1/2025: 336 nhân viên).

(e) Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

Trong năm, phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính và cho các dịch vụ khác cho Công ty (gồm các dịch vụ phi đảm bảo và soát xét thông tin tài chính) đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán lần lượt là 733 triệu VND và 677 triệu VND (2024: lần lượt là 707 triệu VND và 653 triệu VND).

05
TY
I
Á
P
Á
PI
YA
NA
-1-

2-0
I
Á
P
Á
PI
YA
NA
-1-

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

2025
CỔ
ĐÓNG
VÀ
TAY
VIỆT
NAM

20
N
3
P
11

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

101
TY
AN
DI
M
OW

101
NH
NH
AN

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay và phí bảo lãnh liên quan. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi khoản phân bổ cho việc chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh, sản xuất và bán dây cáp điện và chủ yếu trong một vùng địa lý là Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	754.442.000	1.075.343.000
Tiền gửi ngân hàng	114.302.508.602	101.797.467.825
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	115.056.950.602	122.872.810.825

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND	4,0% - 7,2%	494.784.671.656	420.754.671.656

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bao gồm trong tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng nhằm mục đích đảm bảo cho khoản tiền đã nhận trước từ khách hàng của Công ty với số tiền là 1.240 triệu VND (1/1/2025: 1.240 triệu VND).

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

(a) Phải thu của khách hàng

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)	14.980.447.660	5.794.917.767
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	96.630.969.154	68.708.753.279
Công ty TNHH Nec Tokin Electronics Việt Nam	44.393.231.071	28.895.290.738
Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation	42.390.641.598	41.123.115.517
Các khách hàng khác	152.028.610.710	136.149.643.658
	350.423.900.193	280.671.720.959

Các khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Hộ kinh doanh Khánh Hà Quốc	8.617.205.410	-
Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Vĩnh Minh Việt Nam	2.600.640.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.615.404.569	416.805.259
	13.833.249.979	416.805.259

(c) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi phải thu	7.560.477.296	5.759.686.203
Phải thu khác	49.534.792	59.540.000
	7.610.012.088	5.819.226.203

7. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	137.771.451.127	-	38.406.893.476	-
Nguyên vật liệu	40.542.516.125	-	34.164.120.070	-
Sản phẩm dở dang	52.896.789.988	(686.076.016)	34.120.089.652	(1.662.574.613)
Thành phẩm	225.527.586.985	(1.717.497.334)	177.037.431.318	(605.097.449)
	456.738.344.225	(2.403.573.350)	283.728.534.516	(2.267.672.062)

0056
TY
LÂN
PDI
A
AM
ĐƠN

20
N
N
C
Y

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.267.672.062	2.405.763.434
Tăng dự phòng trong năm	135.901.288	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(138.091.372)
Số dư cuối năm	2.403.573.350	2.267.672.062

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có 30.085 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm (1/1/2025: 46.984 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	155.219.452.530	337.483.260.672	15.304.044.195	5.716.247.977	8.495.213.242	522.218.218.616
Tăng trong năm	390.000.000	4.208.590.780	-	80.000.000	-	4.678.590.780
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	7.788.924.135	-	-	-	7.788.924.135
Thanh lý	-	(550.376.700)	-	-	(634.158.040)	(1.184.534.740)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	155.609.452.530	348.930.398.887	15.304.044.195	5.796.247.977	7.861.055.202	533.501.198.791
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	119.036.360.988	306.636.206.165	11.153.284.002	4.784.936.785	7.603.992.913	449.214.780.853
Khấu hao trong năm	3.270.950.425	8.757.110.465	839.879.188	280.389.995	172.686.457	13.321.016.530
Thanh lý	-	(550.376.700)	-	-	(634.158.040)	(1.184.534.740)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	122.307.311.413	314.842.939.930	11.993.163.190	5.065.326.780	7.142.521.330	461.351.262.643
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	36.183.091.542	30.847.054.507	4.150.760.193	931.311.192	891.220.329	73.003.437.763
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	33.302.141.117	34.087.458.957	3.310.881.005	730.921.197	718.533.872	72.149.936.148

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 351.385 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 349.653 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	3.092.276.182
Tăng trong năm	4.996.647.953
Chuyển từ hàng tồn kho	1.145.745.688
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(7.788.924.135)
	1.445.745.688

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Máy móc và thiết bị	1.145.745.688	2.792.276.182
Phần mềm vi tính	300.000.000	300.000.000
	1.445.745.688	3.092.276.182

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	1.026.969.451	4.873.873.624	5.900.843.075
Tăng trong năm	-	1.087.110.910	1.087.110.910
Phân bổ trong năm	(56.848.560)	(2.431.555.470)	(2.488.404.030)
	970.120.891	3.529.429.064	4.499.549.955

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Phải trả người bán

	31/12/2025	1/1/2025
	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	3.729.362.558	2.030.646.179
<i>Các bên thứ ba</i>		
Mitsui & Co., Ltd	32.138.682.679	-
Công ty TNHH Vinacompound Hưng Yên	3.077.758.860	3.260.180.000
Guangzhou Jcc Copper Products Co., Ltd	-	11.733.019.200
Các nhà cung cấp khác	8.065.691.297	11.518.965.841
	<hr/> 47.011.495.394	<hr/> 28.542.811.220

Các khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

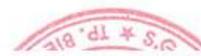
12. Thuế

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cần trừ VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	28.929.537.977	177.737.246.265	(27.400.000.000)	(99.398.388.744)	79.868.395.498

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cần trừ VND	Phân loại lại VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	932.847.732	151.555.987.587	(53.090.446.575)	(99.398.388.744)	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	142.748.503.162	(142.748.503.162)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.063.953.076	29.940.982.743	(31.600.326.573)	-	2.360.971.268	5.765.580.514
Thuế thu nhập cá nhân	426.086.382	2.524.543.008	(2.348.017.581)	-	-	602.611.809
Thuế xuất nhập khẩu	-	3.085.278.255	(3.085.278.255)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	2.177.046.401	(2.394.229.375)	-	217.182.974	-
	6.422.887.190	332.032.341.156	(235.266.801.521)	(99.398.388.744)	2.578.154.242	6.368.192.323



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Vay ngắn hạn

	1/1/2025		Biến động trong năm		31/12/2025
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Giải ngân VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	588.504.105.353	2.203.749.766.714	(1.934.455.995.974)	(812.653.248)	856.985.222.845

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Mega International Commercial Bank Co., Ltd., Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	10 triệu USD	Lãi suất cơ bản Ngân hàng + 0,8% (VND)/0,4% (USD)	262.113.709.627	252.321.448.133
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	8,0 triệu USD	Lãi suất cơ bản 1 tháng + 0,65%	167.988.751.954	3.998.000.000
Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	4,0 triệu USD	Chi phí vốn + 1%	95.270.170.128	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Biên Hòa (a)	150 tỷ VND	3,6%	91.069.069.729	92.698.514.142
Ngân hàng Cathay United Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (c)	5,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,5%	68.350.000.000	68.959.900.000
Ngân hàng TNHH CTBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	5,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	65.480.935.072	29.965.646.229
The Shanghai Commercial & Saving Bank, Ltd., Chi nhánh Offshore Banking (a)	72 tỷ VND	SOFR 6 tháng + 1,35%	59.059.362.502	15.125.192.528
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, Chi nhánh Chợ Lớn (a)	250 tỷ VND	5,50%	22.818.030.148	-
Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	5,0 triệu USD	Chi phí vốn + 0,73%	19.755.193.685	-
Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Hà Nội (a)	3,5 triệu USD	Chi phí vốn + 1,44%	2.743.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon, Chi nhánh Hà Nội (b)	4,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,5%	2.337.000.000	102.940.000.000
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	7,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,2% (VND)/1,8% (USD)	-	12.655.000.000
Ngân hàng E.SUN Commercial Bank, Chi nhánh Đồng Nai (a)	5,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 0,75%	-	9.840.404.321
			856.985.222.845	588.504.105.353

- a. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Shen Pang Pang, Chủ tịch (1/1/2025: không).
b. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, các khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Shen Pang Pang, Chủ tịch.
c. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, các khoản vay này không có bảo đảm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	306.899.450.637	(272.840.000)	104.160.685.081	68.947.811.879	479.735.107.597
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	144.197.551	(144.197.551)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(24.513.583)	(24.513.583)
Cổ tức (Thuyết minh 16)	-	-	-	(7.670.145.500)	(7.670.145.500)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	77.574.250.113	77.574.250.113
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	306.899.450.637	(272.840.000)	104.304.882.632	138.683.205.358	549.614.698.627
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	11.636.137.517	(11.636.137.517)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.978.143.378)	(1.978.143.378)
Cổ tức (Thuyết minh 16)	-	-	-	(25.158.077.240)	(25.158.077.240)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	118.512.074.299	118.512.074.299
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	306.899.450.637	(272.840.000)	115.941.020.149	218.422.921.522	640.990.552.308

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.000	30.689.945	306.899.450.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

16. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 15 tháng 4 năm 2025 đã quyết định phân phối cổ tức với số tiền là 25.158 triệu VND (820 VND một cổ phiếu) (2024: 7.670 triệu VND).

17. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	3.986.642.424	3.986.642.424
Trong vòng hai đến năm	15.946.569.696	15.946.569.696
Sau năm năm	38.499.807.774	42.486.450.198
	58.433.019.894	62.419.662.318

(b) Ngoại tệ

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.182.670	56.917.352.986	2.030.365	51.268.839.813

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	2.326.956.811.361	1.844.034.299.124
▪ Bán hàng hóa	-	39.167.200
▪ Bán phế liệu	18.360.586.858	15.525.425.513
▪ Cho thuê	1.332.316.112	1.280.590.640
	2.346.649.714.331	1.860.879.482.477
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	1.780.000
	2.346.649.714.331	1.860.877.702.477
Doanh thu thuần	2.346.649.714.331	1.860.877.702.477

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2025 VND	2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ		
▪ Thành phẩm đã bán	2.092.578.041.891	1.681.444.086.330
▪ Hàng hóa đã bán	-	26.396.476
▪ Dịch vụ cho thuê	105.185.084	107.656.003
▪ Tăng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	135.901.288	(138.091.372)
	2.092.819.128.263	1.681.440.047.437

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	30.827.718.834	19.281.199.988
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	10.692.952.248	13.039.203.346
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	1.424.168.609
	41.520.671.082	33.744.571.943

22. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	37.714.808.045	24.179.522.389
Phí bảo lãnh	2.067.376.888	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	17.190.497.657	13.809.789.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.033.311.080	-
Khác	176.013.380	-
	58.182.007.050	37.989.312.006

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí bán hàng

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.119.874.143	13.425.811.969
Phí bản quyền và phí UL	13.251.376.826	2.561.789.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.751.161.705	8.677.440.013
Phí sử dụng logo	-	6.535.806.500
Chi phí khác	3.452.200.701	2.273.027.041
	<hr/>	<hr/>
	42.574.613.375	33.473.874.671

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	23.281.156.653	22.243.921.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.417.506.958	11.486.280.658
Chi phí khác	6.245.607.661	10.282.782.980
	<hr/>	<hr/>
	44.944.271.272	44.012.985.314

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và giá vốn hàng hóa đã bán	2.040.476.121.929	1.550.508.684.790
Chi phí nhân công và nhân viên	84.120.502.133	74.915.222.478
Chi phí khấu hao	13.336.043.199	13.539.532.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.654.128.187	44.736.614.764
Chi phí khác	70.721.360.641	62.737.139.520
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	28.063.892.346	19.528.067.647
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.877.090.397	-
	29.940.982.743	19.528.067.647
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	56.528.989	23.018.647
	29.997.511.732	19.551.086.294

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	148.509.586.031	97.125.336.407
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	22.276.437.905	14.568.800.461
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho Chi nhánh	3.284.484.890	2.154.335.455
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.877.090.397	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.768.695.757	2.259.161.831
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	790.802.783	568.788.547
	29.997.511.732	19.551.086.294

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Trụ sở chính

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 15% trên lợi nhuận tính thuế. Ưu đãi thuế suất này không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng do Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015 và các khoản thu nhập khác; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông.

Chi nhánh

Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Việc xác định mức thuế phải nộp còn phụ thuộc vào cách diễn giải của quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên, các quy định này cũng có thể bị thay đổi theo từng thời kỳ và số thuế phải nộp cuối cùng còn phải được cơ quan thuế xem xét.

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ cho việc chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trong năm	118.512.074.299	77.574.250.113
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	(3.555.362.229)	(2.327.227.503)
	114.956.712.070	75.247.022.610

(*) Số chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được tạm tính bằng 3% lợi nhuận thuần trong năm của Công ty. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các năm trước.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2025	2024
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm	30.680.582	30.680.582

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025 VND	2024 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.747	2.453

28. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất				
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
Mua nguyên vật liệu	4.570.866.023	4.833.934.983	218.928.227	335.025.301
Phí bản quyền và phí UL (*)	13.251.376.826	2.561.789.148	3.510.434.331	1.695.620.878
Phí dịch vụ	19.668.420.000	28.959.540.000	-	-
Công ty mẹ				
Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.				
Cổ tức đã phân phối	20.135.241.040	6.138.793.000	-	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)				
Bán thành phẩm	43.811.342.383	40.472.941.083	14.980.447.660	5.794.917.767
Mua nguyên vật liệu	-	25.473.000	-	-
Cho thuê	1.287.740.480	1.237.745.600	-	-

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Thành viên quản lý chủ chốt				
Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	8.333.934.131	4.294.636.028	-	-
Thù lao cho thành viên Ban Tổng Giám đốc	1.918.907.203	1.856.396.155	-	-
Cổ tức đã phân phối cho thành viên Hội đồng Quản trị	391.191.660	117.240.750	-	-
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch	2.067.376.888	449.082.652	954.092.066	-

(*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. (công ty mẹ cấp cao nhất), Công ty có quyền sử dụng thương hiệu và chứng chỉ UL của 11 sản phẩm (2024: 8 sản phẩm) sở hữu bởi Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 1,1% (2024: 0,1%) trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.

Mức thù lao, lương, thưởng thực tế của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty như sau:

Tên	Chức vụ	2025 VND	2024 VND
Hội đồng Quản trị			
<i>Thù lao và thưởng</i>			
Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch	4.045.004.691	1.871.274.008
Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch	2.118.417.716	1.871.274.008
Ông Shen Shang Hung	Thành viên	179.831.216	2.228.508
Ông Shen San Yi	Thành viên	179.831.216	2.228.508
Ông Wang Ting Shu	Thành viên	179.831.216	2.228.508
Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên	179.831.216	2.228.508
Ông Tu Ting Jui	Thành viên	179.831.216	2.228.508
Ông Lin Fu Chih	Thành viên	179.831.216	2.228.508
Ban Tổng Giám đốc			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Hsu Ching Yao	Tổng Giám đốc	1.127.748.414	1.095.829.965
Ông Huang Shih Che	Phó Tổng Giám đốc	791.158.789	760.566.190

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nguyên giá tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán	354.686.578	-

30. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026

Người lập:


Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Người duyệt:





